

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 7 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đinh Thị Thùy V, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp 3A, xã VĐ, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc Nh – sinh năm 1985; địa chỉ: ấp 3A, xã VĐ, huyện VT, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đinh Thị Thùy V trình bày:

Tôi và chồng tôi ông Nguyễn Ngọc N được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/8/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Vị Đông, huyện Vị Thủy tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu, tôi và chồng tôi chung sống, hạnh phúc, đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy, không thể tiếp tục chung sống với

nhau được nữa nên tôi quyết định ly hôn với ông Nguyễn Ngọc N.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương Q, sinh ngày 30/6/2008, hiện tại đang sống chung với chồng tôi. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Phúc H, sinh ngày 15/8/2017, đang sống chung với tôi. Tôi yêu cầu nuôi cháu H và không yêu cầu chồng tôi cấp dưỡng. Tôi thống nhất nhường quyền nuôi cháu Q cho ông N. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Nguyễn Ngọc N vắng mặt, chưa ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc N có mặt, trình bày ý kiến: Tôi thống nhất với phần trình bày của bà V về phần quan hệ hôn nhân. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương Q, sinh ngày 30/6/2008, và cháu Nguyễn Ngọc Phúc H, sinh ngày 15/8/2017, bà V trình bày cháu H đang sống chung với bà V là không đúng, cháu H đang sống chung với tôi. Tôi có yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Thùy V được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương Q, sinh ngày 30/6/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Phúc H, sinh ngày 15/8/2017 cho ông Nguyễn Ngọc N nuôi dưỡng, ông N không có yêu cầu cấp dưỡng nên bà V chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đinh Thị Thùy V khởi kiện ông Nguyễn Ngọc N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và yêu cầu nuôi con chung, nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn, yêu cầu nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị Thùy V và ông Nguyễn Ngọc N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống giữa bà V và ông N

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải, động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông N không đến Tòa án để giải quyết. Tại phiên tòa, ông N có mặt và trình bày ý kiến xác định vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà V. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông N là trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, hôn nhân không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà V và ông N tại phiên tòa.

[3] Về con chung bà V và ông N không thỏa thuận được về phần con chung. Quá trình chung sống bà V và ông N có hai con chung tên: Nguyễn Ngọc Phương Q, nữ, sinh ngày 30/6/2008 và Nguyễn Ngọc Phúc H, nam, sinh ngày 15/8/2017, hiện tại hai cháu đang sống chung với ông N. Bà V có yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Ngọc Phúc H không có yêu cầu cấp dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc N có yêu cầu nuôi 02 con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét yêu cầu nuôi con của bà V và ông N xét thấy: Ông N cho rằng bà V thiếu nợ riêng bên ngoài và không đủ điều kiện nuôi con. Nhưng ngoài lời trình bày ý kiến này không có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì để chứng minh bà V không có đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại, bà V là giáo viên, có nghề nghiệp ổn định vẫn đảm bảo điều kiện nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Ngọc Phương Q, có nguyện vọng được sống chung với ông N nên thống nhất giao cháu Q cho ông N nuôi dưỡng. Đối với cháu H quá trình tố tụng tại Tòa án chứng minh được: Hiện tại, cháu H đang sống chung với ông N cùng với cháu Q. Để đảm bảo ổn định về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng tốt nhất về chỗ ở, tâm lý, điều kiện ăn ở, học hành cho con chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu Q và H cho ông N nuôi dưỡng. Ông N không có yêu cầu cấp dưỡng nên bà V không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đinh Thị Thùy V phải chịu phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần hôn nhân.
Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Thùy V và ông Nguyễn Ngọc N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương Q, nữ, sinh ngày 30/6/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Phúc H, nam, sinh ngày 15/8/2017 cho ông Nguyễn Ngọc N nuôi dưỡng, ông N không có yêu cầu cấp dưỡng nên bà V không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bà Đinh Thị Thùy V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai có quyền cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Bà Đinh Thị Thùy V phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí bà đã nộp bà Đinh Thị Thùy V đã nộp theo biên lai số 0002721 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành tiền án phí (bà V đã nộp xong).

Nguyên đơn; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Vị Đông;
- Công TTĐT TAND (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé Ngọc

Nguyễn Thị Tua

Lê Thị Diệu